

Số: 1957/QĐ-HĐTS

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc xét tuyển môn ngoại ngữ trong kỳ thi tuyển sinh cao học năm 2018- đợt 2

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2018

Căn cứ Quyết định số 1854/QĐ-KHTN ngày 10 tháng 9 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh Sau đại học năm 2018- đợt 2;

Căn cứ Quy chế tuyển sinh trình độ thạc sĩ và tiến sĩ số 83/QĐ-ĐHQG ngày 19/02/2016 của Đại học Quốc gia TP.HCM, được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 1121/QĐ-ĐHQG, ngày 11/11/2016; Quyết định số 783/QĐ-ĐHQG, ngày 21/7/2017 và Quyết định số 09/QĐ-ĐHQG, ngày 05/01/2018 của Giám đốc Đại học Quốc gia TP.HCM về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh trình độ thạc sĩ và tiến sĩ số 83/QĐ-ĐHQG ngày 19/2/2016;

Xét đề nghị của Thường trực Hội đồng tuyển sinh sau đại học năm 2018- đợt 2.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xét miễn thi môn ngoại ngữ đối với ứng viên đăng ký xét tuyển trình độ thạc sĩ năm 2018- đợt 2,

Danh sách ứng viên được miễn thi môn ngoại ngữ đính kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Các ứng viên có tên tại Điều 1 đã đạt trình độ ngoại ngữ đối với người dự tuyển vào trình độ thạc sĩ theo Quy chế tuyển sinh trình độ thạc sĩ và tiến sĩ của Đại học Quốc gia TP.HCM.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Phòng, Ban, Khoa có liên quan và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Ban SĐH – ĐHQG-HCM (để theo dõi);
- Hồ sơ tuyển sinh SĐH
- Web trường ĐH KHTN



CHỦ TỊCH

HIỆU TRƯỞNG
Trần Linh Thuớc

**DANH SÁCH THÍ SINH XÉT TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
ĐƯỢC XÉT MIỄN THI MÔN NGOẠI NGỮ
KỲ TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2018- ĐỢT 2**

(Đính kèm Quyết định số: 1957/QĐ-HĐTS, ngày 10/10/2018 của Chủ tịch HĐTS ĐHQG)

Stt	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Điều kiện miễn	
						văn bằng; c/c	điểm
1	Đặng Tấn	Phát	11/04/1996	TP. Hồ Chí Minh	Khoa học máy tính	TOEIC (Listening & Reading)	695
2	Đỗ Trọng	Lễ	05/05/1996	Sông Bé	Khoa học máy tính	VNU-EPT (Level B)	1.4
3	Võ Hồ Việt	Khoa	29/08/1996	Đồng Tháp	Khoa học máy tính	VNU-EPT (Level B)	2.2
4	Châu Chí	Trung	10/09/1996	Khánh Hòa	Đại số và Lý thuyết số	IELTS	8
5	Huỳnh Lý	Ngư	26/11/1996	TP. Hồ Chí Minh	Đại số và Lý thuyết số	VNU-EPT (Level B)	1.4
6	Võ Anh	Kiệt	31/07/1995	TP. Hồ Chí Minh	Toán giải tích	VNU-EPT (Level B)	1.4
7	Trần Quang	Minh	02/07/1993	Phú Yên	Toán giải tích	VNU-EPT (Level B)	1.3
8	Nguyễn Văn	Minh	05/07/1996	Bình Dương	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học	VNU-EPT (Level B)	1.3
9	Lê Thị Tường	Vy	14/12/1995	TP. Hồ Chí Minh	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học	VNU-EPT (Level B)	1.3
10	Lâm Bảo	Chánh	20/02/1996	Phú Yên	Toán ứng dụng	IELTS	6.5
11	Nguyễn Minh	Thiện	09/01/1996	Đồng Nai	Toán ứng dụng	TOEIC (Listening & Reading)	575
12	Nguyễn Mạnh Trường	Giang	03/02/1993	Sông Bé	Toán ứng dụng	VNU-EPT (Level B)	1.4
13	Võ Thị Tố	Nguyên	16/01/1996	TP. Hồ Chí Minh	Toán ứng dụng	VNU-EPT (Level B)	1.3
14	Phan Anh	Luân	01/02/1996	Bình Thuận	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	Tiếng Anh	B1

Stt	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Điều kiện miễn	
						văn bằng; c/c	điểm
15	Nguyễn Xuân	Thành	04/10/1996	Đồng Tháp	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	IELTS	5.5
16	Thạch Nguyễn Hạ	Vy	09/12/1996	Bến Tre	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	TOEIC (Listening & Reading)	550
17	Nguyễn Hoàng Hải	Anh	13/09/1996	TP. Hồ Chí Minh	Quang học	TOEIC (Listening & Reading)	945
18	Trịnh Thị Ngọc	Huyền	03/06/1996	Bà Rịa - Vũng Tàu	Quang học	TOEIC (Listening & Reading)	615
19	Đỗ Diệu	Linh	12/09/1996	Quảng Ngãi	Quang học	Tiếng Anh	B1
20	Huỳnh Trúc	Như	14/06/1995	Tiền Giang	Quang học	Tiếng Anh	B1
21	Huỳnh Ngọc Bảo	Trân	08/05/1996	Quảng Ngãi	Quang học	Tiếng Anh	B1
22	Võ Trần Khoa	Nguyên	30/04/1996	TP. Hồ Chí Minh	Quang học	Tiếng Anh	B2
23	Nguyễn Lương Thiên	Nhật	23/11/1996	TP. Hồ Chí Minh	VL VTĐT- chuyên ngành Vật lý Ứng dụng	TOEIC (Listening & Reading)	865
24	Trần Công	Thiện	24/02/1994	Bình Dương	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	IELTS	6.5
25	Nguyễn Mạnh	Cầm	05/10/1996	Lâm Đồng	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	TOEFL iBT	101
26	Lý Thế	Hiền	29/10/1996	Ninh Thuận	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	TOEIC (Listening & Reading)	470
27	Phan Nhật	Huân	05/11/1996	TP. Hồ Chí Minh	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	TOEIC (Listening & Reading)	615
28	Võ Thị Hải	Nhật	30/06/1996	Khánh Hòa	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	TOEIC (Listening & Reading)	685
29	Nguyễn Thị Thúy	Hà	12/08/1995	Bình Dương	Hóa hữu cơ	IELTS	5.5
30	Lê Chí	Hào	23/10/1996	Trà Vinh	Hóa hữu cơ	TOEIC (Listening & Reading)	570
31	Phạm Thị Lệ	Chi	08/02/1996	Phú Yên	Hóa lý thuyết và Hóa lý	TOEIC (Listening & Reading)	470
32	Trần Thị Thu	Trang	04/04/1995	Long An	KTĐT- chuyên ngành: Vi điện tử và Thiết kế vi mạch	VNU-EPT (Level B)	1.3
33	Ngô Thanh	Hải	10/12/1996	Bình Định	KTĐT- chuyên ngành Điện tử - Viễn thông- Máy tính	TOEIC (Listening & Reading)	565

Stt	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Điều kiện miễn	
						văn bằng; c/c	điểm
34	Đặng Tấn	Phát	11/09/2018	TP. Hồ Chí Minh	KTĐT- chuyên ngành Điện tử - Viễn thông- Máy tính	TOEIC (Listening & Reading)	695
35	Nguyễn Tiến	Đạt	23/01/1996	TP. Hồ Chí Minh	SHTN- chuyên ngành Sinh lý thực vật	VNU-EPT (Level B)	1.3
36	Trương Nguyễn Lê	Khoa	03/02/1996	TP. Hồ Chí Minh	Sinh thái học	VNU-EPT (Level C)	1.1
37	Phạm Trung	Nghĩa	29/08/1996	Tiền Giang	Vi sinh vật học	TOEIC (Listening & Reading)	620
38	Võ Ngọc	Trâm	23/06/1996	TP. Hồ Chí Minh	Vi sinh vật học	VNU-EPT (Level B)	2.2
39	Võ Nguyễn Hải	Vy	29/04/1996	Đồng Nai	Vi sinh vật học	VNU-EPT (Level B)	2.2
40	Lê Khánh	Thiên	26/03/1996	TP. Hồ Chí Minh	Công nghệ sinh học	VNU-EPT (Level B)	2.2
41	Trần Văn	Thuận	01/08/1996	An Giang	Công nghệ sinh học	VNU-EPT (Level B)	2.1
42	Trương Hà Minh	Nhật	25/04/1996	TP. Hồ Chí Minh	Công nghệ sinh học	VNU-EPT (Level C)	1.4
43	Lê Thị Tiểu	Nhã	20/03/1995	Quảng Trị	Địa chất học	TOEIC (Listening & Reading)	465
44	Nguyễn Lợi	Lộc	24/10/1996	Vĩnh Long	Địa chất học	VNU-EPT (Level B)	1.4
45	Trần Thị Linh	Chi	22/02/1996	TP. Đà Nẵng	Khoa học môi trường	IELTS	5.5
46	Nguyễn Thị	Đẹp	18/02/1996	TP. Hồ Chí Minh	Khoa học môi trường	TOEIC (Listening & Reading)	580
47	Võ Khánh	Ngọc	02/02/1996	TP. Hồ Chí Minh	Khoa học môi trường	TOEIC (Listening & Reading)	645
48	Phạm Việt	Hải	26/01/1996	Cà Mau	Quản lý tài nguyên và môi trường	TOEIC (Listening & Reading)	635

Tổng cộng danh sách có **48** ứng viên.